

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /6/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ 14 khu nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02 : Nước thải phát sinh từ hoạt động khu vực bếp nấu ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu Quĩ Độ phía Tây Nam nhà máy.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý được xả qua 01 cửa xả phía Tây Nam nhà máy thải vào kênh tiêu Quĩ Độ tại xã Yên Bình, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m) = 2249583, Y(m) = 0606562 (Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực 105⁰30'; múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 180 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Toàn bộ nước thải sau xử lý qua 01 cửa xả phía Tây Nam nhà máy theo đường ống nhựa UPVC D200 dài 150 m chảy vào kênh tiêu Quĩ Độ bằng phương thức tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt với nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải tính theo công thức $C_{max} = C \times K$ (Áp dụng hệ số $K = 1$) và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với nồng độ tối đa cho phép của các chất ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức $C_{max} = C \times K_q \times K_f$ (Áp dụng hệ số $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$; đối với các thông số: pH, Coliform thì $C_{max} = C$), cụ thể như sau:

Bảng 1. Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm theo QCVN 14:2008/BTNMT - Cột B (K = 1)	Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm theo QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B ($K_f = 1,1$; $K_q = 0,9$) (C_{max})
1	pH	-	5 - 9	5,5 - 9

2	BOD ₅	mg/l	50	49,5
3	COD	mg/l	-	148,5
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	100	-
5	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	20	-
6	Sunfua	mg/l	4,0	0,495
7	Amoni	mg/l	10	9,9
8	Tổng Nitơ	mg/l	-	39,6
9	Tổng Photpho	mg/l	-	5,94
10	Clo dư	mg/l	-	1,98
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	-
12	Coliform	MPN/100ml	5.000	5.000

(Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất)

Ghi chú:

- C_{max} là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn tiếp nhận nước thải.

- C là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải từ các khu nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 180 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải khu vực nhà bếp xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 180 m³/ngày.đêm để xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Công ty được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 180 m³/ngày.đêm để xử lý. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép quy định tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này sẽ được dẫn chảy theo đường ống nhựa UPVC D200 dài 150 m chảy vào kênh tiêu Quỹ Độ bằng phương thức tự chảy, xả mặt, xả ven bờ.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải sơ cấp

+ Hệ thống bể tự hoại 03 ngăn: Công ty đầu tư xây dựng 12 bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh bao gồm:

Tòa nhà B1: 04 bể, trong đó 02 bể với thể tích 5,5 m³/bể tại khu vực văn phòng và 02 bể với thể tích 09 m³/bể tại khu vực nhà xưởng.

Tòa nhà B2: 04 bể với thể tích 09 m³/bể.

Tòa nhà B3: 01 bể với thể tích 09 m³/bể.

Khu vực nhà ăn: 01 bể với thể tích 09 m³/bể.

Khu vực shop 5: 01 bể với thể tích 06 m³/bể.

Nhà bảo vệ: 01 bể với thể tích 02 m³/bể.

+ Bể tách dầu mỡ khu nhà ăn với thể tích 13 m³/bể.

- Công trình xử lý nước thải tại khu vực trạm xử lý nước thải tập trung

Công ty đầu tư hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m³/ngày.đêm với quy trình công nghệ xử lý tóm tắt như sau: Nước thải (nguồn số 01 và nguồn số 02) → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí (02 bể) → Bể lắng 1 → Bể trung gian → Bể phản ứng trợ lắng → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực (02 cái) → Hồ ga (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1) và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, K_f = 1,1; K_q = 0,9) → Kênh tiêu Quỹ Độ phía Tây Nam nhà máy.

Bùn lắng từ bể thiếu khí, bể lắng 2 được thu về bể chứa bùn sau đó sẽ được bơm tuần hoàn về bể thiếu khí, phần bùn còn lại đưa ra sân phơi bùn và thuê đơn vị có chức năng đưa đi xử lý.

(Các thông tin chi tiết và thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung được nêu trong báo cáo đề xuất cấp lại GPMT của cơ sở)

- Công suất thiết kế: 180 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: PAC: 90 kg/năm; Polymer: 05 kg/năm; NaHCO₃: 20 kg/năm; NaOCl: 72 kg/năm; Methanol/Mật rỉ: 560 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành trạm xử lý nước thải.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước thải; đầu tư trang thiết bị dự phòng như: Máy bơm, máy sục khí, máy khuấy trộn,... ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Theo dõi hoạt động, có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc.

- Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, Công ty đóng van xả nước thải ra ngoài môi trường và dừng hoạt động hệ thống xử lý, cử cán bộ kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải xử lý

đạt quy chuẩn cho phép đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này mới cho hệ thống xử lý hoạt động trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Dự kiến từ ngày 15/6/2024 đến ngày 15/9/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 180 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại bể thu gom nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 180 m³/ngày.đêm.

- 01 mẫu tại hố ga đầu ra trước khi chảy ra kênh tiêu Quỹ Độ phía Tây Nam nhà máy.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp với 01 mẫu đầu vào tại bể thu gom và 03 mẫu đầu ra tại hố ga trước khi chảy ra kênh tiêu Quỹ Độ phía Tây Nam nhà máy. Tần suất lấy mẫu 01 lần/ngày (theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Chủ dự án phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Ý Yên trong quá trình giám sát vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này trước khi thải ra kênh tiêu Quỹ Độ phía Tây Nam nhà máy. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra); các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm theo quy định.

3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày

10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo giấy phép môi trường này phải thực hiện theo Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết. Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường khi cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra ảnh hưởng tới kênh tiêu Quỹ Độ, Công ty phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Ý Yên để kịp thời xử lý./.